

Số: ~~123~~/2015/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐTBXH Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2015

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh; liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học

Căn cứ Luật giáo dục quốc phòng và an ninh ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh giai đoạn 2015 - 2020 và những năm tiếp theo;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư liên tịch quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh; liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh (sau đây viết tắt là trung tâm); liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học.

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với trường đại học, học viện, đại học vùng, đại học quốc gia (sau đây viết tắt là cơ sở giáo dục đại học); trường cao đẳng; nhà trường quân đội có trung tâm; cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng của trung tâm

Là đơn vị sự nghiệp công lập, có tư cách pháp nhân và tài khoản, con dấu riêng; có chức năng giáo dục quốc phòng và an ninh, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của trung tâm

1. Chấp hành đúng chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng và sự quản lý, điều hành của giám đốc hoặc hiệu trưởng nhà trường.

2. Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục quốc phòng và an ninh (viết tắt là GDQPAN) với giáo dục chính trị tư tưởng, phổ biến, giáo dục pháp luật và xây dựng trung tâm vững mạnh toàn diện.

3. Giáo dục toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, hình thức phù hợp với từng đối tượng; kết hợp giữa lý luận với thực tiễn, giữa lý thuyết và thực hành.

Điều 4. Mục đích liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh

Nhằm thực hiện chương trình GDQPAN, công nhận kết quả học tập, cấp chứng chỉ GDQPAN. Huy động năng lực của các trung tâm GDQPAN để tổ chức GDQPAN cho sinh viên; hỗ trợ các trường không đủ điều kiện tổ chức thực hiện chương trình GDQPAN.

Điều 5. Nguyên tắc liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh

1. Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung, chương trình GDQPAN và bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

2. Tuân thủ sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của cấp có thẩm quyền.

3. Phát huy trách nhiệm và bảo đảm hài hòa, lợi ích các bên theo quy định của pháp luật.

Chương II THÀNH LẬP, TỔ CHỨC TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Điều 6. Điều kiện, thẩm quyền thành lập trung tâm

1. Điều kiện thành lập: Thực hiện theo Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 161/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh giai đoạn 2015 - 2020 và những năm tiếp theo (sau đây viết tắt là Quyết định số 161/QĐ-TTg).

2. Thẩm quyền thành lập

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thành lập trung tâm thuộc nhà trường quân đội;

b) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập trung tâm thuộc trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học; Bộ trưởng các Bộ: Công Thương; Giao thông vận tải; Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 7, Điều 2 Quyết định số 161/QĐ-TTg;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 8, Điều 2 Quyết định số 161/QĐ-TTg.

Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh

1. Hồ sơ thành lập

a) Tờ trình thành lập trung tâm;

b) Đề án thành lập trung tâm gồm các nội dung chính sau: Tên trung tâm; địa điểm đặt trung tâm; sự cần thiết và cơ sở pháp lý về việc thành lập trung tâm; mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trung tâm; quy chế và các điều kiện cần thiết để trung tâm hoạt động.

2. Trình tự, thủ tục thành lập

a) Nhà trường quân đội, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học đề nghị thành lập trung tâm, lập hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này và gửi 02 bộ hồ sơ tới cơ quan chức năng thẩm định.

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị thành lập trung tâm, cơ quan chủ trì thẩm định hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập trung tâm. Trường hợp chưa đủ điều kiện thành lập trung tâm, cấp có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 8. Nguyên tắc đặt tên, đổi tên trung tâm

1. Tên của trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh được ghi trong quyết định thành lập gồm các thành phần: Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh cộng với tên trường.

2. Cấp quyết định thành lập trung tâm thì có thẩm quyền quyết định đổi tên trung tâm. Nhà trường quân đội, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học có trung tâm gửi tờ trình về việc đổi tên trung tâm đến cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của trung tâm

1. Phối hợp với trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học, cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng kế hoạch liên kết, kế hoạch thực hiện môn học GDQPAN, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh (viết tắt là BDKTQPAN).

2. Ban hành nội quy, quy chế hoạt động của trung tâm.

3. Tổ chức quản lý, học tập, rèn luyện, sinh hoạt tập trung tại trung tâm theo nếp sống quân sự cho sinh viên, đối tượng BDKTQPAN.

4. Tổ chức nghiên cứu khoa học, tham gia biên soạn giáo trình, giáo khoa, tài liệu về GDQPAN.

5. Bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý; tổ chức hội thi, hội thao GDQPAN.

6. Bảo đảm chế độ, chính sách cho cán bộ, viên chức, giảng viên, giáo viên, báo cáo viên, nhân viên, sinh viên, đối tượng BDKTQPAN và người lao động của trung tâm.

7. Thông báo kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, đối tượng BDKTQPAN với đơn vị liên kết, và tổ chức liên quan; cấp chứng chỉ GDQPAN cho sinh viên, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình BDKTQPAN cho đối tượng bồi dưỡng tại trung tâm.

8. Thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết, khen thưởng và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tổ chức hoạt động của trung tâm

1. Cơ cấu tổ chức của trung tâm thuộc nhà trường quân đội (hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm), gồm:

a) Ban giám đốc: Giám đốc và các phó giám đốc;

b) Các cơ quan của nhà trường theo chức năng, nhiệm vụ bảo đảm cho hoạt động của trung tâm;

c) Tổ chức đơn vị quản lý sinh viên, đối tượng BDKTQPAN:

- Đại đội không quá 120 người, tổ chức thành các trung đội;

- Trung đội không quá 40 người, tổ chức thành các tiểu đội;

- Tiểu đội không quá 12 người;

- Đại đội trưởng do cán bộ, giảng viên, giáo viên trong biên chế của nhà trường kiêm nhiệm; phó đại đội trưởng, trung đội trưởng, tiểu đội trưởng do giám đốc trung tâm quyết định.

d) Tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể.

2. Trung tâm thuộc trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học

a) Ban giám đốc

- Trung tâm thuộc đại học quốc gia gồm giám đốc và các phó giám đốc; giám đốc trung tâm do phó giám đốc đại học quốc gia kiêm nhiệm; phó giám đốc

trung tâm do giám đốc đại học quốc gia quyết định; phó giám đốc đào tạo trung tâm do sĩ quan quân đội biệt phái đảm nhiệm.

- Trung tâm thuộc đại học vùng, trường đại học, trường cao đẳng gồm giám đốc và các phó giám đốc; giám đốc trung tâm do giám đốc đại học vùng hoặc hiệu trưởng trường đại học, trường cao đẳng kiêm nhiệm; phó giám đốc trung tâm do giám đốc đại học vùng hoặc hiệu trưởng trường đại học, trường cao đẳng quyết định; phó giám đốc đào tạo trung tâm do sĩ quan quân đội biệt phái đảm nhiệm.

b) Cơ quan

- Trung tâm có quy mô từ 15.000 sinh viên/năm trở lên: Tổ chức Hội đồng Khoa học và Đào tạo; Hội đồng Thi đua, Khen thưởng; các phòng (ban): Đào tạo quản lý sinh viên, đối tượng bồi dưỡng; Hành chính, Tổ chức; Hậu cần, Tài chính, Kỹ thuật; Thanh tra, Pháp chế và các khoa chính trị, quân sự.

- Trung tâm có quy mô dưới 15.000 sinh viên/năm: Tổ chức Hội đồng Khoa học và Đào tạo; Hội đồng Thi đua, Khen thưởng; các phòng (ban) Đào tạo; quản lý sinh viên, đối tượng bồi dưỡng; Hành chính, Tổ chức; Hậu cần, Tài chính, Kỹ thuật và các khoa chính trị, quân sự.

- Các cơ quan quy định tại Điểm này do giám đốc trung tâm quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định.

c) Tổ chức đơn vị, cán bộ quản lý sinh viên, đối tượng BDKTQPAN

- Đại đội không quá 120 người, tổ chức thành các trung đội;

- Trung đội không quá 40 người, tổ chức thành các tiểu đội;

- Tiểu đội không quá 12 người;

- Đại đội trưởng là cán bộ, giảng viên trong biên chế của trung tâm kiêm nhiệm; phó đại đội trưởng, trung đội trưởng, tiểu đội trưởng do giám đốc trung tâm quyết định.

d) Tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể.

Điều 11. Giám đốc trung tâm

1. Là người quản lý điều hành trung tâm, chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên và trước pháp luật về mọi hoạt động của trung tâm; có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ quản lý và kiến thức về GDQPAN; là chủ tài khoản của trung tâm. Trong đó:

a) Giám đốc trung tâm thuộc nhà trường quân đội là người chỉ huy cao nhất của trung tâm, chịu trách nhiệm trước pháp luật, cấp ủy, người chỉ huy, chính ủy cấp trên và cấp ủy cấp mình về thực hiện nhiệm vụ của trung tâm;

b) Giám đốc trung tâm thuộc trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học là người đứng đầu của trung tâm, chịu trách nhiệm trước pháp luật, cấp trên, cấp ủy, giám đốc hoặc hiệu trưởng trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học về thực hiện nhiệm vụ của trung tâm.

2. Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm giám đốc trung tâm GDQPAN thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ của giám đốc trung tâm

a) Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục, đào tạo và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định;

b) Quản lý, sử dụng và xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, giảng viên, giáo viên, nhân viên, người lao động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển của trung tâm;

c) Chăm lo cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, viên chức, giảng viên, giáo viên, nhân viên, người lao động và bảo đảm các quyền lợi cho sinh viên học tập tại trung tâm;

d) Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và các tài sản của trung tâm; quản lý tài chính theo Luật Ngân sách Nhà nước.

4. Quyền hạn của Giám đốc trung tâm

a) Ký hợp đồng đào tạo với đơn vị liên kết;

b) Phê duyệt kế hoạch giảng dạy hàng năm;

c) Bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh theo thẩm quyền;

d) Ký hợp đồng lao động làm việc tại trung tâm theo quy định của pháp luật;

đ) Quyết định thu, chi kinh phí theo quy định tại các Điều 28, Điều 29 và Điều 30 Thông tư liên tịch này;

e) Quyết định khen thưởng và kỷ luật theo quy định;

g) Công nhận kết quả học tập, ký chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên; cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh (Nghị định số 13/2014/NĐ-CP).

Điều 12. Phó Giám đốc trung tâm

1. Là người giúp việc cho giám đốc và chịu trách nhiệm trước giám đốc theo nhiệm vụ được giao.

2. Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm các phó giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Hội đồng khoa học và đào tạo

1. Là tổ chức tư vấn cho Giám đốc về nội dung, chương trình giáo dục, kế hoạch, giải pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ GDQPAN cho sinh viên, BDKTQPAN. Hội đồng khoa học và đào tạo do Giám đốc trung tâm thành lập; hoạt động theo nội quy, quy chế của trung tâm.

2. Giám đốc trung tâm làm chủ tịch hội đồng khoa học và đào tạo. Hội đồng khoa học và đào tạo gồm các thành viên: Giám đốc, phó giám đốc, trưởng phòng (ban) chức năng, trưởng khoa hoặc trưởng bộ môn, giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lý có kinh nghiệm.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng hoạt động theo quy định của pháp luật; phối hợp với các đoàn thể tư vấn cho cấp ủy, ban giám đốc về công tác thi đua khen thưởng của trung tâm.

2. Xét chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 15. Phòng (ban) đào tạo, quản lý sinh viên, đối tượng bồi dưỡng

1. Vị trí: Là cơ quan chức năng giúp giám đốc trung tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác giáo dục, quản lý sinh viên, đối tượng BDKTQPAN.

2. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì, phối hợp cùng cơ quan chức năng của trung tâm, đơn vị liên kết với trung tâm, cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện môn học GDQPAN từng năm học, BDKTQPAN từng khoá trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện;

b) Giúp Giám đốc trung tâm xây dựng hợp đồng liên kết; tổ chức tiếp nhận và bàn giao sinh viên, đối tượng BDKTQPAN giữa trung tâm với các đơn vị liên kết, cơ quan, tổ chức; cung cấp cho các trường liên kết, cơ quan, tổ chức liên quan kế hoạch giảng dạy của khóa học và hồ sơ sinh viên;

c) Giúp Giám đốc trung tâm quản lý, tổ chức các tiểu đội, trung đội, đại đội; phối hợp với cơ quan của trung tâm thực hiện;

d) Xây dựng kế hoạch, lịch giảng dạy, bố trí giảng đường, phòng học, thao trường, bãi tập, trường bắn, hoạt động ngoại khóa và thăm quan cho sinh viên, đối tượng BDKTQPAN;

đ) Xây dựng kế hoạch, tổ chức bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và hợp đồng thỉnh giảng cho từng khóa học, năm học;

e) Kiểm tra, đôn đốc thực hiện các kế hoạch giảng dạy, bồi dưỡng, quản lý, lưu trữ hồ sơ học tập của sinh viên, đối tượng BDKTQPAN theo quy định;

g) Tham mưu cho Giám đốc về kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

Điều 16. Phòng (ban) Hành chính, Tổ chức

1. Vị trí: Là cơ quan chức năng giúp ban giám đốc về công tác hành chính, tổ chức, văn thư của trung tâm.

2. Nhiệm vụ:

a) Giúp giám đốc bảo đảm chế độ, chính sách, cho cán bộ, viên chức, giảng viên, báo cáo viên, nhân viên, sinh viên, đối tượng BDKTQPAN và người lao động;

b) Thực hiện quy định đóng quân, canh phòng, tham gia xây dựng địa bàn trong sạch vững mạnh, an toàn; xây dựng kế hoạch bảo vệ trung tâm, phòng chống cháy nổ, phòng chống thảm họa, thiên tai;

c) Thực hiện chế độ kiểm tra, đôn đốc theo quy định và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 17. Phòng (ban) Hậu cần, Tài chính, Kỹ thuật

1. Vị trí: Là cơ quan chức năng giúp giám đốc chỉ đạo, tổ chức và thực hiện công tác hậu cần, tài chính, kỹ thuật.

2. Nhiệm vụ:

a) Lập kế hoạch tổ chức mua sắm, bảo đảm cơ sở vật chất, hậu cần, kỹ thuật cho trung tâm. Quản lý công tác hậu cần, kỹ thuật của trung tâm theo kế hoạch đã được giám đốc phê duyệt;

b) Quản lý tài chính, cấp phát, thu hồi vũ khí, trang phục sinh viên và các trang thiết bị dạy học khác;

c) Tổ chức công tác phòng bệnh, chữa bệnh, trực cấp cứu và giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm;

d) Bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa, định kỳ kiểm tra các trang thiết bị kỹ thuật và cơ sở vật chất. Quản lý công tác kỹ thuật của trung tâm theo kế hoạch đã được giám đốc phê duyệt;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 18. Ban Thanh tra, Pháp chế

1. Giúp giám đốc thanh tra, kiểm tra thực hiện nội quy, quy chế, kế hoạch, chương trình hoạt động GDQPAN của trung tâm.

2. Tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về GDQPAN theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 19. Khoa (bộ môn)

1. Là đơn vị quản lý hành chính cơ sở của trung tâm, giúp giám đốc tổ chức thực hiện môn học GDQPAN, nghiên cứu khoa học theo nhiệm vụ được giao.

2. Xây dựng chương trình chi tiết, phân công giảng viên, giáo viên biên soạn giáo án, bài giảng, tài liệu tham khảo; tham gia biên soạn giáo trình, giáo khoa, nghiên cứu khoa học theo kế hoạch của trung tâm.

3. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, cá nhân liên quan và cán bộ quản lý hướng dẫn sinh viên, đối tượng bồi dưỡng thực hiện giáo dục, BDKTQPAN theo kế hoạch.

4. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, phương pháp sư phạm quân sự cho cán bộ, giảng viên, giáo viên của trung tâm.

5. Xây dựng đề thi, đáp án, thực hiện kế hoạch kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập cho sinh viên; hướng dẫn viết thu hoạch, đánh giá kết quả BDKTQPAN.

6. Tổng hợp kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên và đối tượng bồi dưỡng.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 20. Đơn vị, cán bộ quản lý sinh viên, đối tượng bồi dưỡng

1. Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện kế hoạch GDQPAN của trung tâm.

3. Quản lý tập trung, duy trì nề nếp, chế độ học tập, sinh hoạt, rèn luyện sinh viên, đối tượng bồi dưỡng theo nội quy, quy chế của trung tâm.

4. Quản lý vũ khí, trang bị kỹ thuật, cơ sở vật chất của trung tâm.

5. Tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và các hoạt động khác của trung tâm.

6. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn đơn vị thực hiện nhiệm vụ được giao; sơ kết, tổng kết và báo cáo theo quy định.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 21. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể

1. Tổ chức, hoạt động của tổ chức Đảng trong trung tâm theo Điều lệ Đảng.

2. Tổ chức, hoạt động của các đoàn thể theo quy định của pháp luật, điều lệ và nội quy, quy chế của trung tâm.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Điều 22. Hoạt động dạy, học

Hoạt động dạy, học và đánh giá kết quả môn học giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo quy định của pháp luật và các bộ, ngành liên quan.

Điều 23. Giáo trình, tài liệu giảng dạy

1. Giáo trình, tài liệu giảng dạy môn học GDQPAN cho sinh viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ban hành.

2. Giáo trình, tài liệu BDKTQPAN do Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các tổ chức liên quan ban hành.

Điều 24. Điều kiện, thẩm quyền cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh; giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh

1. Điều kiện, thẩm quyền quản lý, in, cấp chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

2. Cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 13/2014/NĐ-CP.

Điều 25. Giảng viên, giáo viên, báo cáo viên

1. Giảng viên, giáo viên

a) Đối tượng: Gồm giảng viên, giáo viên chuyên trách, thỉnh giảng và cán bộ quân đội, công an biệt phái đạt trình độ chuẩn giảng viên, giáo viên GDQPAN theo quy định của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh và Nghị định số 13/2014/NĐ-CP.

b) Yêu cầu: Giảng dạy đúng nội dung, chương trình, kế hoạch GDQPAN quy định cho từng đối tượng, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; tham dự đầy đủ hoạt động bồi dưỡng, tập huấn do cấp có thẩm quyền tổ chức;

c) Chế độ, chính sách: Được hưởng các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo viên

a) Đối tượng: Là người được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền mời tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh được quy định tại Điều 26 Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh;

b) Yêu cầu: Truyền đạt đúng nội dung cho các đối tượng theo chương trình, kế hoạch BDKTQPAN;

c) Chế độ, chính sách: Được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của sinh viên, đối tượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh

1. Sinh viên, đối tượng BDKTQPAN có nhiệm vụ sau:

- a) Thực hiện đầy đủ nội quy, kế hoạch học tập, rèn luyện của trung tâm;
- b) Bảo quản, giữ gìn vũ khí, trang bị kỹ thuật, thiết bị dạy học, giáo trình, tài liệu, trang phục dùng chung và cơ sở vật chất được giao;
- c) Xây dựng nếp sống văn hóa, cảnh quan môi trường và tham gia hoạt động ngoại khóa của trung tâm;

d) Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Sinh viên, đối tượng BDKTQPAN có các quyền sau:

- a) Được phổ biến các văn bản pháp luật về GDQPAN, nội quy của trung tâm;
- b) Được sử dụng các dụng cụ, trang phục theo quy định trong thời gian học tập tại trung tâm;
- c) Được thông báo kết quả học tập, rèn luyện tại trung tâm, được cấp chứng chỉ sau khi kết thúc môn học GDQPAN, chứng nhận hoàn thành chương trình BDKTQPAN theo quy định;
- d) Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

1. Trung tâm được sử dụng cơ sở vật chất, trang bị kỹ thuật, thiết bị dạy học, vật liệu nổ quân dụng, thao trường, bãi tập, trường bắn của đơn vị chủ quản và liên kết với các đơn vị quân đội, tổ chức liên quan để thực hiện môn học GDQPAN và BDKTQPAN.

2. Hằng năm, trung tâm được củng cố, nâng cấp, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, thao trường, bãi tập, trường bắn để bảo đảm hoạt động.

Điều 28. Nguồn kinh phí

- 1. Ngân sách Trung ương.
- 2. Ngân sách địa phương.
- 3. Cơ quan chủ quản hỗ trợ.
- 4. Kinh phí của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp chi cho GDQPAN.
- 5. Học phí thu từ các hợp đồng liên kết.
- 6. Các khoản đầu tư, tài trợ của tổ chức, cá nhân và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Nội dung chi

1. Bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động của trung tâm.
2. Tiền lương đối với người lao động hợp đồng, tiền điện, nước, thuốc chữa bệnh thông thường, kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng.
3. Chi cho hoạt động giảng dạy, phục vụ giảng dạy và thực hiện GDQPAN.
4. Chi cho công tác quản lý, điều hành.
5. Các nội dung chi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Học phí

1. Trung tâm thực hiện mức thu học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.
2. Ngoài kinh phí quy định trong hợp đồng đào tạo, tiền ăn tập trung và các khoản thu (nếu có) từ các trường chuyên đến, trung tâm không được thu bất kỳ kinh phí nào khác của sinh viên.

Chương IV

LIÊN KẾT GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Điều 31. Đối tượng tham gia liên kết

1. Đơn vị chủ quản là trường có đủ điều kiện tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học GDQPAN và liên kết giáo dục với các trường khác, gồm: Các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng, trung tâm GDQPAN theo Quyết định số 161/QĐ-TTg và các đơn vị có khoa, tổ bộ môn GDQPAN được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao quyền tự chủ.
2. Đơn vị liên kết là trường không đủ điều kiện tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học GDQPAN, được quy định liên kết với trung tâm hoặc các trường khác.

Điều 32. Điều kiện liên kết

1. Các trung tâm đã được thẩm định đủ điều kiện hoạt động theo quy định hiện hành (Danh sách đơn vị chủ quản và đơn vị liên kết tại phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch này).
2. Các trung tâm được quy định tại Quyết định số 161/QĐ-TTg có đủ biên chế, phương tiện, thiết bị dạy học, giảng đường, thao trường, bãi tập tổng hợp đúng quy cách và ý kiến đồng ý của các Bộ: Quốc phòng, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Đơn vị tự chủ giáo dục khi chưa đủ điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, không nằm trên địa bàn có quy hoạch xây dựng trung tâm thì phải thực hiện các hình thức thỉnh giảng, mua sắm thiết bị dạy học và liên kết giáo dục từng nội dung hoặc toàn bộ chương trình với trường quân sự địa phương để thực hiện môn học GDQPAN.

4. Trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học đang có khoa, tổ bộ môn GDQPAN được giảng dạy tại trường.

5. Đơn vị chủ quản, đơn vị liên kết thực hiện liên kết GDQPAN theo Danh sách liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh tại phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch này.

Điều 33. Hợp đồng liên kết giáo dục

1. Nội dung hợp đồng phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Cam kết trách nhiệm mà mỗi bên phải thực hiện khi tham gia liên kết GDQPAN theo quy định Khoản 1, Điều 35 Thông tư liên tịch này;

b) Thông tin chủ yếu về các hoạt động trong quá trình tổ chức dạy, học môn học GDQPAN; trong đó, những thông tin dưới đây phải có trong hợp đồng:

- Thời gian tổ chức học tập, rèn luyện và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện;

- Công tác bảo đảm của các bên: Bảo đảm sinh hoạt, trang phục của sinh viên; tiếp nhận và bàn giao sinh viên cùng với kết quả học tập, rèn luyện. Đơn vị chủ quản phải thông tin đầy đủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm với những nội dung có liên quan trực tiếp đến người học và đơn vị liên kết.

2. Việc xác định phương thức, điều kiện thanh toán, phải phù hợp với quy định hiện hành về thanh toán, quyết toán tài chính; các khoản thu của đơn vị chủ quản phải minh bạch, đúng với các quy định hiện hành; mức đóng góp kinh phí và thời gian chuyển giao kinh phí, thanh lý hợp đồng được ghi đầy đủ trong hợp đồng giữa các bên.

Điều 34. Quy trình thực hiện liên kết

1. Đơn vị chủ quản:

a) Chủ trì hội nghị liên kết giáo dục, thông báo cho các đơn vị liên kết về quy định liên kết GDQPAN;

b) Đôn đốc các đơn vị liên kết gửi kế hoạch, tiến độ, quy trình giáo dục; số lượng sinh viên của các khóa học, đợt học trước năm học mới 02 tháng;

c) Tổ chức thực hiện nội dung, chương trình GDQPAN và các hoạt động ngoại khóa; kết hợp giáo dục quốc phòng và an ninh với rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật cho sinh viên;

d) Đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và cấp chứng chỉ GDQPAN cho sinh viên khi đủ điều kiện;

đ) Lưu trữ, chuyển giao kết quả học tập, rèn luyện và các hồ sơ liên quan cho đơn vị liên kết sau khi kết thúc khóa học, đợt học; thanh lý hợp đồng liên kết.

2. Đơn vị liên kết:

a) Chủ động phối hợp với đơn vị chủ quản về thực hiện liên kết GDQPAN; dự các hội nghị liên kết giáo dục;

b) Phối hợp với đơn vị chủ quản xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện GDQPAN trong khóa học, đợt học, xây dựng hợp đồng liên kết;

c) Tiếp nhận kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, phối hợp giải quyết các công việc liên quan sau khóa học, đợt học;

d) Chuyên kinh phí cho đơn vị chủ quản theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết giáo dục.

Điều 35. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết

1. Đơn vị chủ quản:

a) Tổ chức thực hiện giáo dục theo quy định; đảm bảo các điều kiện thực hiện chương trình; chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về GDQPAN;

b) Bảo đảm đủ số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý; bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu, trang thiết bị dạy học môn học GDQPAN; lập kế hoạch thực hiện, phân công giảng dạy, đánh giá, công nhận kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên;

c) Tiến hành các thủ tục tiếp nhận, bàn giao chặt chẽ về con người và kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên;

d) Quản lý sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện, bảo đảm an toàn về người và thiết bị dạy học; bảo đảm các quyền lợi chính đáng và quyền lợi ưu đãi (nếu có) của môn học đặc thù GDQPAN theo các quy định hiện hành;

đ) Trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi kết thúc khóa học, đợt học phải bàn giao đầy đủ kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên cho đơn vị liên kết.

2. Đơn vị liên kết:

a) Phối hợp chặt chẽ với đơn vị chủ quản để chuẩn bị đầy đủ các nội dung, yêu cầu về liên kết giáo dục; bảo đảm an toàn cho sinh viên trong quá trình bàn giao và tiếp nhận;

b) Cử cán bộ tham gia quản lý, giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục và phản ánh với đơn vị chủ quản những biểu hiện sai phạm để kịp thời chấn chỉnh;

c) Phối hợp với đơn vị chủ quản thực hiện việc miễn, giảm hoặc tạm hoãn học GDQPAN theo quy định hiện hành và chế độ chính sách đối với người học (nếu có);

d) Thông báo kế hoạch, quán triệt quy chế và nội quy học tập cho sinh viên của trường mình ít nhất 01 tháng trước khi vào học.

3. Hai bên liên kết có trách nhiệm thực hiện các cam kết trong hợp đồng giáo dục và các thỏa thuận khác; phối hợp, theo dõi, giám sát việc thực hiện các quy định về tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện; đảm bảo quyền lợi cho người dạy, người học và việc thực hiện hợp đồng liên kết giáo dục.

Điều 36. Quyền hạn của các bên tham gia liên kết

1. Đơn vị chủ quản:

a) Chủ động báo cáo với cấp có thẩm quyền về khả năng tiếp nhận sinh viên và thực hiện liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh;

b) Xây dựng kế hoạch giáo dục trên cơ sở thống nhất giữa đơn vị chủ quản với đơn vị liên kết; cụ thể hóa chương trình GDQPAN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; chuẩn bị giảng viên, giáo viên và cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, phân công giảng dạy, hợp đồng thỉnh giảng;

c) Tổ chức đánh giá kết quả học tập, rèn luyện; xét công nhận kết quả học tập, rèn luyện và cấp chứng chỉ GDQPAN cho sinh viên theo quy định hiện hành.

2. Đơn vị liên kết:

a) Chủ động đề xuất với cấp có thẩm quyền, đơn vị chủ quản về thực hiện liên kết GDQPAN;

b) Phối hợp với đơn vị chủ quản xây dựng kế hoạch giáo dục, thống nhất về thời gian và số lượng sinh viên học GDQPAN từng khóa, đợt học;

c) Trực tiếp ký hợp đồng liên kết giáo dục với đơn vị chủ quản.

Điều 37. Quản lý hoạt động liên kết

1. Đơn vị chủ quản, đơn vị liên kết và đơn vị tự chủ quản lý việc tổ chức thực hiện nội dung, chương trình GDQPAN; khi tham gia liên kết giáo dục phải thực hiện các quy định tại Thông tư liên tịch này.

2. Kết thúc học kỳ và kết thúc năm học đơn vị chủ quản báo cáo kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên và những kiến nghị, đề xuất về Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 38. Thanh tra, kiểm tra hoạt động liên kết

1. Đơn vị chủ quản, đơn vị liên kết kiểm tra, giám sát và tham gia các đoàn kiểm tra, thanh tra của cấp trên về hoạt động liên kết GDQPAN.

2. Cơ quan quản lý về GDQPAN địa phương thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động liên kết GDQPAN trong phạm vi, trách nhiệm được phân công.

3. Hội đồng GDQPAN Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ GDQPAN và liên kết GDQPAN theo quy định.

Điều 39. Xử lý vi phạm

1. Trong quá trình liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh nếu các bên tham gia liên kết vi phạm quy định tại Thông tư liên tịch này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Khi một hoặc cả hai bên liên kết không đáp ứng cam kết hoặc không đủ khả năng để tiếp tục thực hiện hợp đồng liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh thì đơn vị chủ quản báo cáo Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội để xem xét, giải quyết.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2015.

2. Thông tư liên tịch này thay thế các văn bản sau:

a) Thông tư số 109/2009/TT-BQP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Hướng dẫn tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục quốc phòng - an ninh tại các nhà trường quân đội;

b) Quyết định số 82/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục quốc phòng - an ninh sinh viên;

c) Quyết định số 57/2008/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về liên kết giáo dục quốc phòng - an ninh của các cơ sở giáo dục đại học;


d) Thông tư số 25/2009/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung danh sách đơn vị chủ quản và đơn vị liên kết giáo dục quốc phòng - an ninh quy định tại Quyết định số 57/2008/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về liên kết giáo dục quốc phòng - an ninh của các cơ sở giáo dục đại học.

Điều 41. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học, trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi thành Thông tư liên tịch này.


2. Hằng năm, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh sách liên kết GDQPAN cho phù hợp.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Quốc phòng để phối hợp Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
THỦ TRƯỞNG *hm*

Huỳnh Văn Tí

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỦ TRƯỞNG *g*

Bùi Văn Ga

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỦ TRƯỞNG *g*

Đại tướng Đỗ Bá Tỵ

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng CP, các Phó Thủ tướng CP;
- Bộ trưởng các bộ: Quốc phòng, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP, BGDĐT, BLĐTBXH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- CTTĐT: Chính phủ, BQP, BGDĐT, BLĐTBXH;
- Các Vụ Pháp chế: Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Lưu: VT 03 Bộ, NCTH; *Toán 415*



Phụ lục
DANH SÁCH ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN KẾT GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

(Kèm theo Thông tư Liên tịch số *123* /2015 /TTLT-BQP-BGDĐT- BLĐT BXH ngày tháng *11* năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

| TT | Đơn vị chủ quản | Đơn vị liên kết | | Ghi chú |
|----|---|-----------------|--|---------|
| | | TT | Tên trường | |
| 1 | TTGDQPAN ĐH Sư phạm TĐTT Hà Nội | 1 | Trường ĐH Sư phạm TĐTT Hà Nội | |
| | | 2 | Học viện Y dược cổ truyền Việt Nam | |
| | | 3 | Trường ĐH Thành Tây | |
| | | 4 | Trường CĐ Nghệ thuật Hà Nội | |
| | | 5 | Trường ĐH Luật Hà Nội | |
| | | 6 | Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội | |
| | | 7 | Trường ĐH Công đoàn | |
| | | 8 | Trường CĐ Xây dựng số 1 | |
| | | 9 | Trường ĐH Dân lập Đông Đô | |
| | | 10 | Trường ĐH Sư phạm nghệ thuật Trung ương | |
| | | 11 | Trường Đại học Hà Nội | |
| | | 12 | Trường ĐH Mỹ thuật công nghiệp | |
| | | 13 | Trường CĐ Kỹ thuật công nghệ Bách khoa | |
| | | 14 | Trường CĐ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Bộ | |
| | | 15 | Trường CDN Nguyễn Trãi | |
| | | 16 | Học viện Ngân hàng | |
| | | 16 | | |
| 2 | TTGDQPAN ĐH Sư phạm Hà Nội 2 (Đặt tại tỉnh Vĩnh Phúc) | 1 | Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2 | |
| | | 2 | Trường ĐH Ngoại thương | |
| | | 3 | Trường ĐH Dân lập Phương Đông | |
| | | 4 | Trường CĐ Công nghiệp Phúc Yên | |
| | | 5 | Trường CĐ Sư phạm Vĩnh Phúc | |
| | | 6 | Trường CDN Điện | |
| | | 7 | Viện ĐH Mở Hà Nội | |
| | | 8 | Trường ĐH Thương mại | |
| | | 9 | Trường CĐ Công nghệ và Kinh tế Hà Nội | |
| | | 10 | Trường ĐH Tài chính ngân hàng Hà Nội | |
| | | 11 | Trường CDN Việt Nam - Hàn Quốc | |
| | | 12 | Trường CDN Việt Xô số 1 | |
| | | 13 | Trường Cao đẳng nghề FLC | |
| | | 13 | | |
| 3 | TTGDQPAN ĐH Quốc gia Hà Nội | 1 | Trường ĐH Kinh tế - ĐHQG Hà Nội | |
| | | 2 | Trường ĐH Công nghệ thuộc ĐHQG Hà Nội | |
| | | 3 | Trường ĐH Khoa học tự nhiên thuộc ĐHQG Hà Nội | |
| | | 4 | Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn | |
| | | 5 | Trường ĐH Ngoại ngữ thuộc ĐHQG Hà Nội | |
| | | 6 | Khoa Y - Dược thuộc ĐHQG Hà Nội | |
| | | 7 | Khoa Luật thuộc ĐHQG Hà Nội | |
| | | 8 | Khoa Quốc tế thuộc ĐHQG Hà Nội | |

| TT | Đơn vị chủ quản | Đơn vị liên kết | | Ghi chú |
|----|---|-----------------|---|---------|
| | | TT | Tên trường | |
| | | 9 | Trường ĐH Giáo dục thuộc ĐHQG Hà Nội | |
| | | 10 | Học viện Âm nhạc Quốc gia Hà Nội | |
| | | 11 | Trường ĐH Đại Nam | |
| | | 12 | Trường ĐH Lao động - Xã hội | |
| | | 13 | Trường CĐN Kỹ thuật thiết bị y tế | |
| | | 14 | Trường CĐN Văn Lang Hà Nội | |
| | | 15 | Trường ĐH Răng hàm mặt Hà Nội | |
| | | 16 | Trường ĐH Y tế cộng đồng | |
| | | 17 | Trường CĐ Y tế Hà Nội | |
| | | 18 | Học viện Quản lý giáo dục | |
| | | 19 | Trường ĐH Thủy Lợi | |
| | | | | 19 |
| 4 | TTGDQPAN Trường quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội | 1 | Trường CĐ Giao thông vận tải Trung ương I | |
| | | 2 | Trường CĐN Bách Khoa | |
| | | 3 | Trường CĐN Phú Châu | |
| | | | | 03 |
| 5 | TTGDQPAN Trường CĐ Công nghệ và Kỹ thuật ô tô | 1 | Trường ĐH Công nghiệp Việt - Hung | |
| | | 2 | Học viện Ngân hàng (cơ sở Sơn Tây) | |
| | | 3 | Trường CĐ Bách nghệ Tây Hà | |
| | | 4 | Trường CĐ Công nghệ Hà Nội | |
| | | 5 | Trường ĐH Kiểm sát Hà Nội | |
| | | 6 | Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội | |
| | | 7 | Trường CĐN Công nghiệp Hà Nội | |
| | | | | 07 |
| 6 | TTGDQPAN Học viện Phòng không - Không quân | 1 | Trường ĐH Nguyễn Trãi | |
| | | 2 | Trường ĐH Công nghệ và Quản lý hữu nghị | |
| | | 3 | Trường CĐN Viglacera | |
| | | 4 | Trường CĐN Bách khoa Hà Nội | |
| | | 5 | Trường CĐN Công nghệ cao Hà Nội | |
| | | 6 | Trường CĐN Trần Hưng Đạo | |
| | | | | 06 |
| 7 | TTGDQPAN Trường sĩ quan Pháo binh | 1 | Trường CĐN Kỹ thuật Công nghệ - Kinh tế Simex Sông Đà | |
| | | 2 | Trường CĐN Công nghệ và Kinh tế Hà Nội | |
| | | 3 | Trường CĐ Đại Việt | |
| | | 4 | Trường CĐN Cơ điện Hà Nội | |
| | | 5 | Trường CĐN An ninh công nghệ | |
| | | | | 05 |
| 8 | TTGDQPAN Trường sĩ quan Lục quân 1 (Trường ĐH Trần Quốc Tuấn) | 1 | Trường ĐH Điện lực | |
| | | 2 | Trường ĐH Thăng Long | |
| | | 3 | Học viện Hành chính Quốc gia | |
| | | 4 | Học viện Phụ nữ Việt Nam | |
| | | 5 | Trường CĐ Cộng đồng Hà Nội | |
| | | 6 | Học viện Chính sách và Phát triển | |
| | | | | 06 |
| | | 1 | Trường CĐ Sư phạm Hòa Bình | |
| | | 2 | Trường CĐN Sông Đà | |

| TT | Đơn vị chủ quản | Đơn vị liên kết | | Ghi chú |
|----|---|-----------------|---|---------|
| | | TT | Tên trường | |
| 9 | TTGDQPAN Trường sĩ quan Phòng hóa | 3 | Trường CDN Hòa Bình | |
| | | 4 | Trường CD Cộng đồng Hà Tây | |
| | | 5 | Trường Đại học FPT (cơ sở Hà Nội) | |
| | | | 05 | |
| 10 | TTGDQPAN Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự (Tỉnh Bắc Giang) | 1 | Trường ĐH Nông lâm Bắc Giang | |
| | | 2 | Học viện Chính sách và Phát triển (cơ sở Bắc Giang) | |
| | | 3 | Trường CD Kỹ thuật Công nghiệp Bắc Giang | |
| | | 4 | Trường CDN Bắc Giang | |
| | | 5 | Trường CDN Công nghệ Việt - Hàn | |
| | | 6 | Trường CD Sư phạm Lạng Sơn | |
| | | 7 | Trường CD Y tế Lạng Sơn | |
| | | 8 | Trường CDN Công nghệ và Nông lâm Đông Bắc | |
| | | 9 | Trường CD Ngô Gia Tự Bắc Giang | |
| | | | 09 | |
| 11 | TTGDQPAN ĐH Thái Nguyên | 1 | Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp | |
| | | 2 | Trường ĐH Nông Lâm | |
| | | 3 | Trường ĐH Khoa học | |
| | | 4 | Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh | |
| | | 5 | Khoa Ngoại ngữ thuộc Đại học Thái Nguyên | |
| | | 6 | Khoa Quốc tế thuộc Đại học Thái Nguyên | |
| | | 7 | Trường CD Văn hóa nghệ thuật Việt Bắc | |
| | | 8 | Trường CD Thương mại và Du lịch | |
| | | 9 | Trường CD Y tế Thái Nguyên | |
| | | 10 | Trường ĐH Công nghệ Thông tin và Truyền thông | |
| | | 11 | Trường CD Kinh tế - Kỹ thuật | |
| | | 12 | Trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên | |
| | | 13 | Trường ĐH Y - Dược Thái Nguyên | |
| | | 14 | Trường CD Công nghệ và Kỹ thuật công nghiệp | |
| | | 15 | Trường ĐH Công nghệ GTVT (cơ sở Thái Nguyên) | |
| | | 16 | Trường CDN Số 1 Bộ Quốc Phòng | |
| | | 17 | Trường ĐH Việt Bắc | |
| | 17 | | | |
| 12 | TTGDQPAN Trường quân sự Quân khu 1 | 1 | Trường CD Công nghiệp Việt Đức | |
| | | 2 | Trường CD Cơ khí luyện kim | |
| | | 3 | Trường CDN Cơ điện luyện kim | |
| | | 4 | Trường CDN Công nghiệp Việt Bắc Vinacomin | |
| | | 5 | Trường CDN Công thương Việt Nam | |
| | 05 | | | |
| 13 | TTGDQPAN Đại học TĐTT Bắc Ninh | 1 | Trường ĐH Thể dục - Thể thao Bắc Ninh | |
| | | 2 | Trường CD Công nghệ Bắc Hà | |
| | | 3 | Trường CD Thủy sản | |
| | | 4 | Trường CD Ngoại ngữ Công nghệ Việt Nhật | |
| | | 5 | Trường CD Công nghiệp Hưng Yên (cơ sở Bắc Ninh) | |
| | | 6 | Trường CD Sư phạm Bắc Ninh | |
| | | 7 | Trường CD Thông kê | |
| | | 8 | Trường ĐH Kinh Bắc | |

| TT | Đơn vị chủ quản | Đơn vị liên kết | | Ghi chú |
|----|---|-----------------|---|---------|
| | | TT | Tên trường | |
| | | 9 | Trường CDN Quản lý và Công nghệ | |
| | | 10 | Trường CDN Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh | |
| | | 11 | Trường CDN Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh | |
| | | 12 | Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp | |
| | | 13 | Trường ĐH Công nghiệp dệt may Thời trang Hà Nội | |
| | | 14 | Học viện Ngân hàng (cơ sở Bắc Ninh) | |
| | | 15 | Trường CĐ Du lịch Hà Nội | |
| | | 16 | Trường CĐ Múa Việt Nam | |
| | | 17 | Trường ĐH Mỹ thuật Việt Nam | |
| | | 17 | | |
| 14 | TTGDQPAN Trường sĩ quan Chính trị (Trường ĐH Chính trị) | 1 | Trường CDN Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội | |
| | | 2 | Trường CĐ Điện tử điện lạnh | |
| | | 3 | Trường CDN Long Biên | |
| | | 4 | Trường CDN Kỹ thuật - Mỹ nghệ Việt Nam | |
| | | 5 | Trường CDN Đường sắt | |
| | | 6 | Trường CDN Kỹ thuật công nghệ | |
| | | 06 | | |
| 15 | TTGDQPAN ĐH Tây Bắc | 1 | Trường ĐH Tây Bắc | |
| | | 2 | Trường CĐ Y tế Sơn La | |
| | | 3 | Trường CDN Sơn La | |
| | | 4 | Trường CĐ Nông lâm Sơn La | |
| | | 5 | Trường CĐ Sơn La | |
| | | 05 | | |
| 16 | TTGDQPAN Trường quân sự Quân khu 2 | 1 | Học viện Ngoại giao | |
| | | 2 | Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam | |
| | | 3 | Trường ĐH Nội vụ Hà Nội | |
| | | 4 | Trường CDN Thăng Long | |
| | | 5 | Trường CDN Hùng Vương | |
| | | 6 | Trường CDN Thiết kế và Thời trang London | |
| | | 06 | | |
| 17 | TTGDQPAN Trường Cao đẳng Công nghiệp Quốc phòng | 1 | Trường CĐ Công nghiệp quốc phòng | |
| | | 2 | Trường CĐ Sư phạm Yên Bái | |
| | | 3 | Trường CĐ VHNT và Du lịch Yên Bái | |
| | | 4 | Trường CĐ Y tế Yên Bái | |
| | | 5 | Trường CDN Âu Lạc | |
| | | 6 | Trường CDN Yên Bái | |
| | | 7 | Trường ĐH Tân Trào Tuyên Quang | |
| | | 8 | Trường CDN Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang | |
| | | 9 | Trường CDN Cơ điện Phú Thọ | |
| | | 10 | Trường CDN Công nghệ Giấy và Cơ điện | |
| | | 11 | Trường CDN Công nghệ và Nông lâm | |
| | | 12 | Trường CĐ Y tế Phú Thọ | |
| | | 12 | | |
| | TTGDQPAN ĐH Hùng Vương (Tỉnh Phú Thọ) | 1 | Trường ĐH Hùng Vương | |
| | | 2 | Trường ĐH Công nghiệp Việt Trì | |
| | | 3 | Trường CDN Phú Thọ | |

| TT | Đơn vị chủ quản | Đơn vị liên kết | | Ghi chú |
|----|---|-----------------|--|---------|
| | | TT | Tên trường | |
| 18 | | 4 | Trường CĐ Kinh tế Phú Thọ | |
| | | 5 | Trường ĐH Dầu khí Việt Nam | |
| | | 6 | Trường CĐ Công nghiệp thực phẩm | |
| | | 7 | Trường CĐ Dược Phú Thọ | |
| | | | 07 | |
| 19 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Điện Biên | 1 | Trường CĐ Kinh tế Kỹ thuật Điện Biên | |
| | | 2 | Trường CĐ Sư phạm Điện Biên | |
| | | 3 | Trường CĐ Y tế Điện Biên | |
| | | 4 | Trường CĐN Điện Biên | |
| | | | 04 | |
| 20 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Vĩnh Phúc | 1 | Trường CĐN Việt - Đức Vĩnh Phúc | |
| | | 2 | Trường CĐN Cơ khí Nông nghiệp | |
| | | 3 | Trường ĐH Trưng Vương | |
| | | 4 | Trường ĐH Công nghệ GTVT (cơ sở Vĩnh Phúc) | |
| | | 5 | Trường CĐN Số 2 Bộ Quốc phòng | |
| | | | 05 | |
| 21 | TTGDQPAN Trường quân sự Quân khu 3 | 1 | Trường ĐH Sao Đỏ | |
| | | 2 | Trường ĐH Hải Dương | |
| | | 3 | Trường CĐN LICOGI | |
| | | 4 | Trường CĐN Giao thông vận tải đường thủy 1 | |
| | | 5 | Trường CĐN Hải Dương | |
| | | | 05 | |
| 22 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Hải Dương | 1 | Trường ĐH Thành Đông | |
| | | 2 | Trường CĐ Dược Trung ương | |
| | | 3 | Trường ĐH Kỹ thuật Y tế Hải Dương | |
| | | 4 | Trường CĐ Hải Dương | |
| | | 5 | Trường CĐ Du lịch và Khách sạn | |
| | | 6 | Trường CĐN Thương mại và Công nghiệp | |
| | | 7 | Trường CĐN Đại An | |
| | | | 07 | |
| 23 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Hưng Yên | 1 | Trường ĐH Chu Văn An | |
| | | 2 | Trường Cao đẳng ASEAN | |
| | | 3 | Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Tô Hiệu | |
| | | 4 | Trường CĐ Sư phạm Hưng Yên | |
| | | 5 | Trường ĐH Tài chính - Quản trị kinh doanh | |
| | | 6 | Trường CĐ Y tế Hưng Yên | |
| | | 7 | Trường CĐN Cơ điện và Thủy lợi | |
| | | 8 | Trường CĐN Dịch vụ hàng không Airserco | |
| | | 9 | Trường CĐN Kỹ thuật - Công nghệ LOD | |
| | | 10 | Trường CĐ Bách khoa Hưng Yên | |
| | | 11 | Trường CĐ Công nghiệp Hưng Yên | |
| | | 12 | Trường CĐ Công nghệ và Kinh tế Hà Nội (cơ sở Hưng Yên) | |
| | | | 12 | |
| | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Quảng Ninh | 1 | Trường CĐ Y tế Quảng Ninh | |
| | | 2 | Trường CĐN Mỏ Hồng Cẩm vinacomin | |
| | | 3 | Trường CĐN Mỏ Hữu Nghị - Vinacomin | |

| TT | Đơn vị chủ quản | Đơn vị liên kết | | Ghi chú |
|----|--|-----------------|--|---------|
| | | TT | Tên trường | |
| 24 | | 4 | Trường CĐ Công nghiệp và Xây dựng Quảng Ninh | |
| | | 5 | Trường ĐH Ngoại thương Hà Nội (cơ sở Quảng Ninh) | |
| | | 6 | Trường CDN Việt - Hàn Quảng Ninh | |
| | | 7 | Trường CDN Than Khoáng sản Việt Nam | |
| | | 07 | | |
| 25 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Thái Bình | 1 | Trường CĐ Y tế Thái Bình | |
| | | 2 | Trường ĐH Công nghệ TP Hồ Chí Minh (cơ sở Thái Bình) | |
| | | 3 | Trường ĐH Thái Bình | |
| | | 4 | Trường CDN Thái Bình | |
| | | 5 | Trường CDN Số 19 Bộ Quốc phòng | |
| | | 05 | | |
| 26 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Nam Định | 1 | Trường CĐ Sư phạm Nam Định | |
| | | 2 | Trường CĐ Xây dựng Nam Định | |
| | | 3 | Trường CDN Nam Định | |
| | | 4 | Trường CDN Kinh tế - Kỹ thuật Vinatex | |
| | | 5 | Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp | |
| | | 6 | Trường ĐH Dân lập Lương Thế Vinh | |
| | | 7 | Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Nam Định | |
| | | 8 | Trường CĐ Công nghiệp Nam Định | |
| | | 9 | Trường CDN Số 20 Bộ Quốc phòng | |
| | | 09 | | |
| 27 | TTGDQPAN ĐH Hàng hải Việt Nam | 1 | Trường ĐH Hàng hải Việt Nam | |
| | | 2 | Trường ĐH Y Dược Hải Phòng | |
| | | 3 | Trường CĐ Công nghệ | |
| | | 4 | Trường CDN Lao động - Xã hội | |
| | | 5 | Trường CDN Kinh tế, kỹ thuật Bắc bộ | |
| | | 6 | Trường CĐ Hàng hải I | |
| | | 7 | Trường CDN Số 3, Bộ Quốc phòng | |
| | | 07 | | |
| 28 | TTGDQPAN ĐH Hải Phòng | 1 | Trường ĐH Hải Phòng | |
| | | 2 | Trường ĐH Dân lập Hải Phòng | |
| | | 3 | Trường CĐ Giao thông vận tải TW 2 | |
| | | 4 | Trường CĐ Công nghệ Viettronics | |
| | | 5 | Trường CDN Công nghiệp Hải phòng | |
| | | 6 | Trường CDN Bách Nghệ Hải Phòng | |
| | | 7 | Trường CDN Duyên Hải | |
| | | 8 | Trường CDN Thủy sản Miền Bắc | |
| | | 9 | Trường CĐ Y tế Hải Phòng | |
| | | 10 | Trường CĐ Cộng đồng Hải Phòng | |
| | | 11 | Trường CDN Du lịch, Dịch vụ | |
| | | 12 | Trường CDN ViNaSin | |
| | | 13 | Trường CDN Bắc Nam | |
| | | 13 | | |
| | | 1 | Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội | |
| | | 2 | Trường ĐH Hà Hoa Tiên | |
| | | 3 | Trường CĐ Phát thanh - Truyền hình I | |

| TT | Đơn vị chủ quản | Đơn vị liên kết | | Ghi chú | | |
|----|--|-----------------|---|---------|--|--|
| | | TT | Tên trường | | | |
| 29 | TTGDQPAN ĐH Công Nghiệp Hà Nội (Đặt tại tỉnh Hà Nam) | 4 | Trường CĐ Sư phạm Hà Nam | | | |
| | | 5 | Trường CĐ Thủy lợi Bắc Bộ | | | |
| | | 6 | Trường CĐ Y tế Hà Nam | | | |
| | | 7 | Trường CĐN Công nghệ, Kinh tế và Chế biến lâm sản | | | |
| | | 8 | Trường CĐN Hà Nam | | | |
| | | 9 | Trường CĐ Cơ điện 2 Hà Nội | | | |
| | | 10 | Trường CĐN Cơ điện và Công nghệ thực phẩm | | | |
| | | 11 | Trường CĐ Truyền hình Hà Tây | | | |
| | | 12 | Trường CĐ Sư phạm Hà Tây | | | |
| | | 13 | Trường ĐH Hoa Lư - Ninh Bình | | | |
| | | 14 | Trường CĐ Y tế Ninh Bình | | | |
| | | 15 | Trường CĐN Cơ điện Xây dựng Việt Xô | | | |
| | | 16 | Trường CĐN Cơ giới Ninh Bình | | | |
| | | 17 | Trường CĐN LiLama - 1 | | | |
| | | 18 | Trường CĐN Cơ điện Tây Bắc | | | |
| | | | | 18 | | |
| | | 30 | TTGDQPAN Trường quân sự Quân khu 4 | 1 | Trường CĐN Kỹ thuật Việt - Đức | |
| | | | | 2 | Trường CĐN Kỹ thuật công nghiệp Việt - Hàn | |
| 3 | Trường CĐN Du lịch - Thương mại | | | | | |
| 4 | Trường CĐN Kinh tế - Kỹ thuật số 1 | | | | | |
| 5 | Trường CĐN Hàng hải Vinalines | | | | | |
| 6 | Trường CĐ Sư phạm Nghệ An | | | | | |
| 7 | Trường CĐN Số 4 - Bộ Quốc Phòng | | | | | |
| 8 | Trường CĐN Công nghệ Hà Tĩnh | | | | | |
| 9 | Trường CĐ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Du | | | | | |
| 10 | Trường CĐ Y tế Hà Tĩnh | | | | | |
| 11 | Trường CĐN Việt Đức - Hà Tĩnh | | | | | |
| 12 | Trường ĐH Hà Tĩnh | | | | | |
| | | 12 | | | | |
| 31 | TTGDQPAN ĐH Hồng Đức (tỉnh Thanh Hóa) | 1 | Trường ĐH Hồng Đức | | | |
| | | 2 | Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa | | | |
| | | 3 | Trường CĐ Thể dục thể thao Thanh Hóa | | | |
| | | 4 | Trường CĐ Tài nguyên và Môi trường miền Trung | | | |
| | | 5 | Trường CĐ Y tế Thanh Hóa | | | |
| | | 6 | Trường CĐN Công nghiệp Thanh Hoá | | | |
| | | 7 | Trường CĐN Lam Kinh | | | |
| | | 8 | Trường CĐN Công nghệ LICOGI | | | |
| | | 9 | Trường CĐN An Nhất Vinh | | | |
| | | 10 | Trường CĐN Kinh tế - Công nghệ VICET | | | |
| | | 11 | Trường ĐH Công nghiệp TPHCM (cơ sở Thanh Hóa) | | | |
| | | 12 | Trường CĐ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | |
| | | 12 | | | | |
| 32 | TTGDQPAN ĐH Vinh | 1 | Trường ĐH Vinh | | | |
| | | 2 | Trường CĐ Y tế Nghệ An | | | |
| | | 3 | Trường CĐ Văn hóa - Nghệ thuật Nghệ An | | | |
| | | 4 | Trường ĐH Y khoa Vinh | | | |

| TT | Đơn vị chủ quản | Đơn vị liên kết | | Ghi chú |
|----|--|-----------------|---|---------|
| | | TT | Tên trường | |
| | | 5 | Trường ĐH Vạn Xuân | |
| | | | 05 | |
| 33 | TTGDQPAN Đại học Huế | 1 | Trường ĐH Ngoại ngữ thuộc ĐH Huế | |
| | | 2 | Khoa Luật thuộc ĐH Huế | |
| | | 3 | Khoa Giáo dục thể chất thuộc ĐH Huế | |
| | | 4 | Khoa Du Lịch thuộc ĐH Huế | |
| | | 5 | Trường ĐH Kinh tế thuộc ĐH Huế | |
| | | 6 | Trường ĐH Nông lâm thuộc ĐH Huế | |
| | | 7 | Trường ĐH Nghệ Thuật thuộc ĐH Huế | |
| | | 8 | Trường ĐH Sư phạm thuộc ĐH Huế | |
| | | 9 | Trường ĐH Khoa học thuộc ĐH Huế | |
| | | 10 | Trường ĐH Y Dược thuộc ĐH Huế | |
| | | 11 | Đại học Huế (cơ sở Quảng Trị) | |
| | | 12 | Trường CĐ Sư phạm Quảng Trị | |
| | | 13 | Trường ĐH Phú Xuân | |
| | | 14 | Trường CĐ Sư phạm Thừa Thiên Huế | |
| | | 15 | Trường CĐ Công nghiệp Huế | |
| | | 16 | Trường CĐ Xây dựng Thừa Thiên Huế | |
| | | 17 | Trường CDN Du lịch Huế | |
| | | 18 | Trường CDN Nguyễn Tri Phương | |
| | | 19 | Trường CDN Thừa Thiên Huế | |
| | | | | 20 |
| | | | 20 | |
| 34 | TTGDQPAN Trường quân sự Quân khu 5 | 1 | Trường ĐH Kiến trúc Đà Nẵng | |
| | | 2 | Trường ĐH Đông Á | |
| | | 3 | Trường CĐ Công nghệ Thông tin hữu nghị Việt Hàn | |
| | | 4 | Trường CĐ Dân lập Kinh tế, kỹ thuật Đông Du Đà Nẵng | |
| | | 5 | Trường CĐ Giao thông vận tải II | |
| | | 6 | Trường CĐ Thương mại Đà Nẵng | |
| | | 7 | Trường CĐ Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng | |
| | | 8 | Trường ĐH Kỹ thuật Y dược Đà Nẵng | |
| | | 9 | Trường CĐ Lương thực, thực phẩm | |
| | | 10 | Trường ĐH Duy Tân | |
| | | | 10 | |
| 35 | TTGDQPAN Đại học TDTT Đà Nẵng (Đặt tại tỉnh Quảng Nam) | 1 | Trường ĐH Thể dục - Thể thao Đà Nẵng | |
| | | 2 | Trường ĐH Bách khoa thuộc ĐH Đà Nẵng | |
| | | 3 | Trường ĐH Kinh tế thuộc ĐH Đà Nẵng | |
| | | 4 | Trường ĐH Ngoại ngữ thuộc ĐH Đà Nẵng | |
| | | 5 | Trường ĐH Sư phạm thuộc ĐH Đà Nẵng | |
| | | 6 | Khoa Y - Dược ĐH thuộc Đà Nẵng | |
| | | 7 | Trường ĐH Phan Chu Trinh | |
| | | 8 | Trường ĐH Nội vụ (cơ sở miền trung) | |
| | | 9 | Trường CĐ Công nghệ thuộc ĐH Đà Nẵng | |
| | | 10 | Trường CĐ Công nghệ thông tin | |
| | | 11 | Trường CĐ Bách khoa Đà Nẵng | |
| | | 12 | Trường CĐ Công nghệ kinh doanh Việt Tiên | |

| TT | Đơn vị chủ quản | Đơn vị liên kết | | Ghi chú |
|----|---|-----------------|---|---------|
| | | TT | Tên trường | |
| | | 13 | Trường CĐ Phương Đông Đà Nẵng | |
| | | 14 | Trường CĐ Lạc Việt | |
| | | 15 | Trường CĐN Du lịch Đà Nẵng | |
| | | 16 | Trường CĐN Đà Nẵng | |
| | | 17 | Trường CĐ Đức Trí | |
| | | 18 | Trường CĐN Hoàng Diệu | |
| | | 19 | Trường CĐN Nguyễn Văn Trỗi | |
| | | 20 | Trường CĐN Việt - Úc | |
| | | 21 | Trường CĐ Công kỹ nghệ Đông Á | |
| | | 22 | Trường CĐ Điện lực Miền Trung | |
| | | 23 | Trường CĐ Phương đông Quảng Nam | |
| | | 24 | Trường CĐ Y tế Quảng Nam | |
| | | 25 | Trường CĐN Quảng Nam | |
| | | 26 | Trường CĐN Chu Lai | |
| | | 27 | | |
| | | 1 | Trường CĐ Cộng đồng Quảng Ngãi | |
| | | 2 | Trường CĐ Kỹ thuật Công nghiệp Quảng Ngãi | |
| 36 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Quảng Ngãi | 3 | Trường CĐN Kỹ thuật Công nghệ Dung Quất | |
| | | 4 | Trường CĐN Cơ giới | |
| | | 5 | Trường CĐ Y tế Đặng Thùy Trâm | |
| | | | 05 | |
| 37 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Bình Định | 1 | Trường ĐH Quang Trung | |
| | | 2 | Trường CĐ Sư phạm Bình Định | |
| | | 3 | Trường CĐ Y tế Bình Định | |
| | | 4 | Trường CĐN Cơ điện, Xây dựng và Nông lâm Trung Bộ | |
| | | 5 | Trường CĐN Quy Nhơn | |
| | | | 05 | |
| 38 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Phú Yên | 1 | Trường ĐH Phú Yên | |
| | | 2 | Trường ĐH Xây dựng Miền Trung | |
| | | 3 | Trường CĐ Công nghiệp Tuy Hòa | |
| | | 4 | Trường CĐ Xây dựng số 3 | |
| | | 5 | Trường CĐN Phú Yên | |
| | | 6 | Trường CĐ Y tế Phú Yên | |
| | | | 06 | |
| 39 | TTGDQPAN Trường sĩ quan Thông Tin | 1 | Trường Sĩ quan Thông Tin | |
| | | 2 | Trường CĐN Nha Trang | |
| | | 3 | Trường CĐN Du lịch Nha Trang | |
| | | 4 | Trường ĐH Thái Bình Dương | |
| | | 5 | Trường CĐ Sư phạm Ninh Thuận | |
| | | 6 | Trường ĐH Nông Lâm TP HCM (cơ sở Ninh Thuận) | |
| | | 7 | Trường CĐN Ninh Thuận | |
| | | 8 | Trường CĐN Quốc tế Việt Nam | |
| | | | 08 | |
| 40 | TTGDQPAN ĐH Nha Trang | 1 | Trường ĐH Nha Trang | |
| | | 2 | Trường CĐ VHNT và Du lịch Nha Trang | |

| TT | Đơn vị chủ quản | Đơn vị liên kết | | Ghi chú |
|----|--|-----------------|---|---------|
| | | TT | Tên trường | |
| | | 3 | Trường CĐ Y tế Khánh Hòa | |
| | | | 03 | |
| 41 | TTGDQPAN ĐH Tây Nguyên | 1 | Trường ĐH Tây Nguyên | |
| | | 2 | Trường CĐ Y tế Đắk Lắk | |
| | | 3 | Trường CĐ Văn hóa - Nghệ Thuật Đắk Lắk | |
| | | 4 | Trường CĐ Sư phạm Đắk Lắk | |
| | | 5 | Trường ĐH Nông Lâm TP HCM (cơ sở Đắk Nông) | |
| | | 6 | Trường CDN Thanh niên Dân tộc Tây Nguyên | |
| | | 7 | Trường CDN Đắk Lắk | |
| | | | 07 | |
| 42 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Gia Lai | 1 | Trường CDN Gia Lai | |
| | | 2 | Trường ĐH Nông Lâm TPHCM (cơ sở Gia lai) | |
| | | 3 | Đại học Đà Nẵng (Cơ sở Kon Tum) | |
| | | 4 | Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum | |
| | | 5 | Trường CĐ Sư phạm Kon Tum | |
| | | 6 | Trường CDN Số 5 - Bộ Quốc phòng (cơ sở Gia Lai) | |
| | | | 06 | |
| 43 | TTGDQPAN Trường quân sự Quân khu 7 | 1 | Trường CĐ VHNT và Du lịch TP HCM | |
| | | 2 | Trường CĐ Phát thanh Truyền hình II | |
| | | 3 | Trường ĐH Kỹ thuật Công nghệ TP HCM | |
| | | 4 | Trường ĐH Ngoại ngữ Tin học | |
| | | 5 | Trường ĐH Sư phạm TĐTT thành phố HCM | |
| | | 6 | Trường ĐH Lao động - Xã hội (cơ sở TP Hồ Chí Minh) | |
| | | 7 | Trường CĐ Điện Lực TP HCM | |
| | | 8 | Trường CDN Số 7 - Bộ Quốc phòng | |
| | | 9 | Trường CDN Sài Gòn | |
| | | 10 | Trường Đại học FPT (cơ sở TP Hồ Chí Minh) | |
| | | | 10 | |
| 44 | TTGDQPAN Trường quân sự TP.HCM | 1 | Trường CDN Nguyễn Trường Tộ | |
| | | 2 | Trường CDN Tây Ninh | |
| | | 3 | Trường CĐ Dân lập Kỹ nghệ | |
| | | 4 | Trường ĐH Thủy lợi TP Hồ Chí Minh (cơ sở 2) | |
| | | 5 | Trường CĐ Sư phạm Trưng vương TP HCM | |
| | | 6 | Trường CDN TP Hồ Chí Minh | |
| | | 7 | Trường CDN Việt Mỹ | |
| | | 8 | Học viện Hành chính Quốc gia (cơ sở TP Hồ Chí Minh) | |
| | | | 08 | |
| 45 | TTGDQPAN Trường sĩ quan Kỹ thuật quân sự | 1 | Trường Sĩ quan Kỹ thuật quân sự | |
| | | 2 | Trường ĐH Hoa Sen | |
| | | 3 | Trường CĐ Kinh tế | |
| | | 4 | Trường ĐH Mỹ thuật TP HCM | |
| | | 5 | Trường ĐH Dân lập Văn Lang | |
| | | 6 | Trường CDN Hàng hải TP HCM | |
| | | 7 | Trường CDN Giao thông vận tải TW III | |
| | | 8 | Trường CDN Kinh tế công nghệ TP HCM | |
| | | 9 | Trường CDN Du lịch Sài Gòn | |

| TT | Đơn vị chủ quản | Đơn vị liên kết | | Ghi chú |
|----|---|-----------------|--|---------|
| | | TT | Tên trường | |
| | | 10 | Trường CĐN Kỹ thuật công nghệ TP HCM | |
| | | | 10 | |
| 46 | TTGDQPAN Đại học Quốc gia TP HCM | 1 | Trường ĐH Bách khoa TPHCM | |
| | | 2 | Trường ĐH Công nghệ thông tin | |
| | | 3 | Trường ĐH Kinh tế - Luật | |
| | | 4 | Trường ĐH Quốc tế | |
| | | 5 | Trường ĐH Khoa học tự nhiên | |
| | | 6 | Trường ĐH Khoa học xã hội và nhân văn | |
| | | 7 | Khoa Y ĐH Quốc gia TPHCM | |
| | | 8 | Trường ĐH Nông Lâm TP HCM | |
| | | 9 | Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP HCM | |
| | | 10 | Học viện Công nghệ Bru chính viễn Thông | |
| | | 11 | Trường ĐH Văn hóa TP HCM | |
| | | 12 | Trường ĐH Kiến trúc TP HCM | |
| | | 13 | Trường ĐH Kinh tế TP HCM | |
| | | 14 | Trường ĐH Luật TP HCM | |
| | | 15 | Trường CĐ Tài chính Hải quan | |
| | | 16 | Trường CĐ Viễn Đông | |
| | | 17 | Trường CĐN Công nghệ Thông Tin ISPACE | |
| | | 18 | Trường ĐH Việt Đức | |
| | | 19 | Trường ĐH Văn Hiến | |
| | | 20 | Trường CĐN Công nghệ cao Đồng An | |
| | | | 20 | |
| 47 | TTGDQPAN Trường Cao đẳng nghề số 8 | 1 | Trường CĐN Số 8 - Bộ Quốc phòng | |
| | | 2 | Trường ĐH Ngân hàng | |
| | | 3 | Trường CĐ Cao Thắng | |
| | | 4 | Trường ĐH Mở TP HCM | |
| | | 5 | Trường CĐ Công nghệ dệt may thời trang | |
| | | 6 | Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật miền Nam | |
| | | 7 | Trường ĐH Kinh tế - Tài chính TP HCM | |
| | | 8 | Trường ĐH Sân khấu - Điện ảnh TP HCM | |
| | | 9 | Nhạc viện TP Hồ Chí Minh | |
| | | 10 | Trường CĐN Quận 2 TP Hồ Chí Minh | |
| | | 11 | Trường ĐH Công nghiệp TPHCM (cơ sở Đồng Nai) | |
| | | 12 | Trường CĐN LiLama - 2 | |
| | | 13 | Trường ĐH Đồng Nai | |
| | | 14 | Trường CĐN Đồng Nai | |
| | | 15 | Trường ĐH Công nghệ Đồng Nai | |
| | | 16 | Trường ĐH Bà Rịa - Vũng Tàu | |
| | | 17 | Trường ĐH Dầu khí | |
| | | | 17 | |
| 48 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Đồng Nai | 1 | Trường ĐH Công nghệ Miền Đông | |
| | | 2 | Trường CĐ Mỹ thuật trang trí Đồng Nai | |
| | | 3 | Trường CĐ Y tế Đồng Nai | |
| | | 4 | Trường ĐH Lâm nghiệp TP HCM (cơ sở Đồng Nai) | |

| TT | Đơn vị chủ quản | Đơn vị liên kết | | Ghi chú |
|----|--|-----------------|--|---------|
| | | TT | Tên trường | |
| | | 5 | Trường CDN Cơ giới và Thủy lợi | |
| | | 6 | Trường CDN Khu vực Long Thành - Nhơn Trạch | |
| | | | 06 | |
| 49 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Bình Dương | 1 | Trường ĐH Quốc tế Miền Đông | |
| | | 2 | Trường ĐH Thủy lợi (cơ sở Bình Dương) | |
| | | 3 | Trường CĐ Y tế Bình Dương | |
| | | 4 | Trường CDN Việt Nam - Singapore | |
| | | 5 | Trường CDN Công nghệ và Nông lâm Nam Bộ | |
| | | 6 | Trường CĐ Công nghiệp Cao su | |
| | | 7 | Trường ĐH Mở TPHCM (cơ sở Bình Dương) | |
| | | 8 | Trường ĐH Việt Đức | |
| | | 9 | Trường CDN Thiết bị y tế Bình Dương | |
| | | | 09 | |
| 50 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Lâm Đồng | 1 | Trường ĐH Đà Lạt | |
| | | 2 | Trường ĐH Yesin Đà Lạt | |
| | | 3 | Trường CĐ Công nghệ và Kinh tế Bảo Lộc | |
| | | 4 | Trường CĐ Y tế Lâm Đồng | |
| | | 5 | Trường CDN Đà Lạt | |
| | | 6 | Trường CDN Du lịch Đà Lạt | |
| | | 7 | Trường ĐH Kiến trúc TPHCM (cơ sở Đà Lạt) | |
| | 07 | | | |
| 51 | TTGDQPAN Trường quân sự Quân đoàn 4 | 1 | Trường CĐ Giao thông vận tải III | |
| | | 2 | Trường CĐ Kinh tế Công nghệ TP HCM | |
| | | 3 | Trường ĐH Quốc tế Sài Gòn | |
| | | 4 | Trường ĐH Ngoại thương TP HCM (cơ sở 2) | |
| | | 5 | Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch | |
| | | 6 | Trường CĐ Công nghệ thông tin TP HCM | |
| | | 7 | Trường ĐH Hùng Vương TP HCM | |
| | | 8 | Trường ĐH Quốc tế RMits | |
| | | 9 | Trường ĐH Công nghệ Thông tin Gia định | |
| | | 10 | Trường CDN Giao thông vận Tải thủy II | |
| | | | 10 | |
| 52 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu | 1 | Trường CĐ Cộng đồng Bà Rịa - Vũng Tàu | |
| | | 2 | Trường CĐ Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu | |
| | | 3 | Trường CDN Dầu Khí | |
| | | 4 | Trường CDN Du lịch Vũng Tàu | |
| | | 5 | Trường CDN Bà Rịa - Vũng Tàu | |
| | | 6 | Trường CDN Quốc tế Vabis Hồng Lam | |
| | | | 06 | |
| 53 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Bình Thuận | 1 | Trường ĐH Phan Thiết | |
| | | 2 | Trường CĐ Cộng đồng Bình Thuận | |
| | | 3 | Trường CĐ Y tế Bình Thuận | |
| | | 4 | Trường CDN Bình Thuận | |
| | | | 04 | |
| 54 | TTGDQPAN Trường quân sự | 1 | Trường CDN Sóc Trăng | |
| | | 2 | Trường CĐ Cộng đồng Sóc Trăng | |

| TT | Đơn vị chủ quản | Đơn vị liên kết | | Ghi chú |
|----|---|-----------------|---|---------|
| | | TT | Tên trường | |
| | Quân khu 9 | | 02 | |
| 55 | TTGDQPAN Trường quân sự thành phố Cần Thơ | 1 | Trường CĐ Kinh tế- Kỹ thuật Cần Thơ | |
| | | 2 | Trường CĐ Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ | |
| | | 3 | Trường ĐH Tây Đô | |
| | | 4 | Trường ĐH Y - Dược Cần Thơ | |
| | | 5 | Trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ | |
| | | 6 | Trường CDN Cần Thơ | |
| | | 7 | Trường CĐ Kinh tế đối ngoại Cần Thơ | |
| | | 8 | Trường CĐ Sư phạm Cần Thơ | |
| | | 9 | Trường ĐH Kiến trúc TPHCM (cơ sở Cần Thơ) | |
| | | | 09 | |
| 56 | TTGDQPAN ĐH Cần Thơ (Đặt tại tỉnh Hậu Giang) | 1 | Trường ĐH Cần Thơ | |
| | | 2 | Trường CĐ Y tế Cần Thơ | |
| | | 3 | Trường CĐ Cộng đồng Hậu Giang | |
| | | 4 | Trường CDN Trần Đại Nghĩa | |
| | | 5 | Trường CĐ Y tế Đồng Tháp | |
| | | 6 | Trường CDN Đồng Tháp | |
| | | 7 | Trường CDN Du lịch Cần Thơ | |
| | | | 07 | |
| 57 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh An Giang | 1 | Trường CDN An Giang | |
| | | | | |
| 58 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Tiền Giang | 1 | Trường CĐ Y tế Tiền Giang | |
| | | 2 | Trường CDN Tiền Giang | |
| | | 3 | Trường ĐH Kinh tế - Công nghiệp Long An | |
| | | 4 | Trường ĐH Tư thục Tân Tạo | |
| | | 5 | Trường CDN Kỹ thuật Công nghệ LaDec | |
| | | 6 | Trường CDN Long An | |
| | | 7 | Trường CDN Tây Sài Gòn | |
| | | | 07 | |
| 59 | TTGDQPAN ĐH Trà Vinh | 1 | Trường ĐH Trà Vinh | |
| | | 2 | Trường CĐ Y tế Trà Vinh | |
| | | 3 | Trường CDN Trà Vinh | |
| | | 4 | Trường CDN Đồng Khởi | |
| | | | 04 | |
| 60 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Vĩnh Long | 1 | Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long | |
| | | 2 | Trường ĐH Xây dựng Miền Tây | |
| | | 3 | Trường CĐ Kinh tế - Tài chính Vĩnh Long | |
| | | 4 | Trường CĐ Cộng đồng Vĩnh Long | |
| | | 5 | Trường CDN Số 9 - Bộ Quốc phòng | |
| | | | 05 | |
| 61 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Kiên Giang | 1 | Trường ĐH Kiên Giang | |
| | | 2 | Trường CĐ Sư phạm Kiên Giang | |
| | | 3 | Trường CĐ Y tế Kiên Giang | |
| | | 4 | Trường CDN Kiên Giang | |

| TT | Đơn vị chủ quản | Đơn vị liên kết | | Ghi chú |
|----|---|-----------------|-------------------------------------|---------|
| | | TT | Tên trường | |
| | | 5 | Trường CĐ Cộng đồng Kiên Giang | |
| | | 6 | Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật | |
| | | | 06 | |
| 62 | TTGDQPAN Trường quân sự tỉnh Bạc Liêu | 1 | Trường ĐH Bạc Liêu | |
| | | 2 | Trường CDN Bạc Liêu | |
| | | 3 | Trường CĐ Cộng đồng Cà Mau | |
| | | 4 | Trường ĐH Bình Dương (cơ sở Cà Mau) | |
| | | 5 | Trường CĐ Sư phạm Cà Mau | |
| | | 6 | Trường CĐ Y tế Bạc Liêu | |
| | | | 06 | |